

Bản án số: **1737/2024/DS-ST**
Ngày: 09/5/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Minh Vương
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Văn Phước
2. Bà Võ Thị Gái

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Trần Minh Nhật – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 09/5/2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, đã tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 828/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1548/2024/QĐXXST-DS ngày 26/3/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 2179/QĐST-DS ngày 16/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1986.

Địa chỉ: phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phan Dương Hoàng A1, bà Phạm Thanh Nh (Văn bản ủy quyền lập ngày 01/11/2023).

(bà Hoàng A1 có mặt, bà Nhàn có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ làng A.

Địa chỉ: phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T

(vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2023, bản tự khai, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn trình bày nội dung và yêu cầu:

Giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu Đ và ông Nguyễn Đức T đại diện pháp luật của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ làng A có mối quan hệ quen biết nên có sự thỏa thuận hợp tác ông Đ giới thiệu khách hàng mua nhà đất tại địa chỉ số 22A đường số 10, phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty Làng A sẽ trả một khoản tiền hoa hồng sau khi giao dịch được.

Tháng 4/2021, ông Đ đã giới thiệu được khách hàng thực hiện việc chuyển nhượng nhưng bên Công ty chưa thanh toán tiền hoa hồng cho ông.

Ngày 07/12/2021, Công ty và ông Đ ký với nhau Hợp đồng dịch vụ cam kết trích thưởng không hủy ngang số 07122021/HĐKV-CKTT đã xác nhận số tiền hoa hồng 794.000.000 đồng và cam kết thanh toán số tiền nêu trên vào ngày 31/6/2022. Trường hợp không thanh toán đúng hạn thì hợp đồng nêu trên được xem như giấy nhận nợ hoặc vay tiền với mức lãi suất 3%/tháng.

Hết thời hạn nhưng Công ty Làng A không thanh toán cho ông Đ nên ông Đ khởi kiện đến Tòa án đề nghị:

- Buộc Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ làng A phải thanh toán 01 lần cho ông Nguyễn Hữu Đ số tiền 794.000.000 đồng.

- Buộc Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ làng A thanh toán tiền lãi chậm trả cho ông Nguyễn Hữu Đ đối với số tiền 794.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm tạm tính đến ngày 30/6/2023 là 158.800.000 đồng. Tiền lãi sẽ tiếp tục tính đến thời điểm bị đơn thanh toán xong nợ.

Bị đơn là Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ làng A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng không đến Tòa án làm việc và không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc 794.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán trên số công nợ nêu trên tính từ ngày 01/7/2022 (sau ngày các bên thỏa thuận hạn cuối thanh toán) cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 20% theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 294.976.438 đồng.

Bị đơn vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn tham gia tố tụng tại tòa án thực hiện đúng qui định tại Điều 70, Điều 71, Điều 76 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Đối với bị đơn: Bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Năng lực pháp luật tố tụng dân sự và năng lực hành vi tố tụng dân sự của các đương sự đầy đủ theo quy định điều 69 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên còn chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 bộ Luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Căn cứ theo các thỏa thuận tại hợp đồng, căn cứ theo Điều 357, Điều 463, Điều 466, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 thì yêu cầu trả gốc và lãi của Nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, thời gian tính lãi từ ngày Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 01/07/2022.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc, lãi theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Án phí xem xét theo quy định pháp luật.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Vụ kiện tranh chấp Hợp đồng dịch vụ cam kết trích thưởng không hủy ngang số 07122021/HĐKV-CKTT ngày 07/12/2021 giữa chủ thể là cá nhân không có đăng ký kinh doanh với doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh là tranh chấp phát sinh trong hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có trụ sở hoạt động tại thành phố Thủ Đức nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ làng A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai những vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Xét Hợp đồng dịch vụ cam kết trích thưởng không hủy ngang số 07122021/HĐKV-CKTT ngày 07/12/2021 là hợp đồng có hình thức, nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, ký kết trên ý chí tự nguyện của các bên, do người có thẩm quyền và đủ năng lực trách nhiệm hành vi dân sự ký kết nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên ký kết hợp đồng.

[3.2] Về yêu cầu trả nợ gốc và lãi phát sinh:

- Căn cứ theo Hợp đồng dịch vụ cam kết trích thưởng không hủy ngang số 07122021/HĐKV-CKTT ngày 07/12/2021. Căn cứ quy định hợp đồng có căn cứ xác định bị đơn xác nhận số tiền hoa hồng do giới thiệu việc chuyển nhượng nhà và đất tại địa chỉ 22A đường số 10, phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là 794.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận đến hạn cuối ngày 31/6/2022 nếu bị đơn chưa thanh toán số tiền nêu trên cho nguyên đơn thì hợp đồng nêu trên được xem như giấy nhận nợ và giấy vay tiền. Nguyên đơn khởi kiện do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn. Bị đơn

đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng không đến Tòa và cũng không cung cấp bản trình bày ý kiến, tài liệu chứng cứ gì khác thể hiện đã trả một phần hoặc toàn bộ số tiền nợ nêu trên nên có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn vẫn nợ nguyên đơn số tiền là 794.000.000 đồng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc nêu trên là có căn cứ để chấp nhận.

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền lãi chậm trả từ ngày 01/7/2022 đến ngày 09/5/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) với mức lãi suất 20%/năm: Theo hợp đồng nêu trên ký kết, các bên thỏa thuận hạn cuối thanh toán là ngày 31/6/2022, tuy nhiên tháng 6/2022 không có ngày 31 nên Hội đồng xét xử xác định ngày 30/6/2022 là ngày hạn cuối thanh toán số tiền theo thỏa thuận của các bên. Do đó, kể từ ngày 01/7/2022, số tiền 794.000.000 đồng đã chuyển thành nợ vay. Xét các bên thỏa thuận mức lãi suất quá hạn là 3%/tháng (tương đương 36%/năm) là vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa trả với mức lãi suất 20%/năm là có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định pháp luật tại khoản 3 Điều 440, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có căn cứ để chấp nhận. Số lãi chậm trả bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tính đến ngày 09/5/2024 là $794.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 678 \text{ ngày} = 294.976.438 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi chậm thanh toán là $794.000.000 + 294.976.438 = 1.088.976.438 \text{ đồng}$.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu Đ về việc buộc bị đơn là Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ làng A có trách nhiệm thanh toán cho ông Đ toàn bộ nợ gốc và lãi chậm thanh toán là 1.088.976.438 đồng, trong đó số tiền gốc là 794.000.000 đồng và số tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 294.976.438 đồng.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ làng A phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên các yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, cụ thể là 44.669.293 đồng.

Trả lại cho ông Nguyễn Hữu Đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 20.292.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0003564 ngày 29/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[6] Nội dung khác: Tại Hợp đồng dịch vụ cam kết trích thưởng không hủy ngang số 07122021/HĐKV-CKTT ngày 07/12/2021 các đương sự có thỏa thuận mức lãi suất nợ quá hạn nên có căn cứ để áp dụng điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị

Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ làng A có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Hữu Đ toàn bộ nợ gốc và lãi chậm thanh toán là 1.088.976.438 (một tỷ không trăm tám mươi tám triệu chín trăm bảy mươi sáu ngàn bốn trăm ba mươi tám) đồng, trong đó số tiền gốc là 794.000.000 đồng và số tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 294.976.438 đồng. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thi hành.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 20%/năm.

2. Về án phí sơ thẩm:

Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ làng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 44.669.293 (bốn mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi chín ngàn hai trăm chín mươi ba) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trả lại cho ông Nguyễn Hữu Đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 20.292.000 (hai mươi triệu hai trăm chín mươi hai ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0003564 ngày 29/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM		
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN		THẨM PHÁN
		CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Phước

Võ Thị Gái

Phạm Minh Vương

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- TAND TP.HCM;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Vương